

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ PHONG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/KDTM – ST

Ngày: 08/11/2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ PHONG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Phong

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Minh Huê.

2. Ông Mong Thái Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Nhuận – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh N tham gia phiên tòa: Ông Lương Hoài Nam, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh N xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 08/2019/TLST– KDTM ngày 29 tháng 5 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T.

Người đại diện theo pháp luật : Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ : Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng : Bà Phan Thị Lam T, chức vụ : Trưởng phòng giao dịch T, chi Nhánh N. Có mặt.

Địa chỉ : Số 91 đường N, khối K, phường H, thị xã T, tỉnh N.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Công T, sinh năm 1982. Vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm 2, xã Q, huyện Q, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng T trình bày:

Ngày 15/01/2016 Ngân hàng T, chi nhánh N, tại phòng giao dịch T và anh Nguyễn Công T ký kết hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số : LD101500197 ngày 15/01/2016, số tiền vay 99.000.000 đồng (Chín mươi chín triệu đồng) ; thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân ; mục đích sử dụng vốn vay để phục vụ đời

sống ; lãi suất 10/12 %/ tháng ; hình thức vay tín chấp trích lương trả hàng tháng ; phương thức thanh toán : vốn và lãi chia đều 48 kỳ(mỗi kỳ 1 tháng, mỗi tháng trả vào ngày 25 hàng tháng). Ngày đáo hạn cuối cùng là 15/01/2020. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu khách hàng vi phạm hợp đồng thì Ngân hàng có quyền thu hồi nợ trước thời hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh Nguyễn Công T mới thanh toán được 53.612.000 đồng (Năm mươi ba triệu sáu trăm mười hai nghìn đồng) tiền nợ gốc.

Đến 25/4/2018 anh Nguyễn Công T không tiếp tục thanh toán tiền nợ gốc và lãi định kỳ theo hợp đồng; Nguyễn Công T đã bỏ nghề và không có lương để trả. Vì vậy Ngân hàng có quyền thu hồi nợ trước hạn đối với nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng.

Qua xác minh thông tin tại nơi khách hàng Nguyễn Công T cư trú cho thấy anh T không chuyển hộ khẩu, không cắt tạm trú, tạm vắng đi nơi khác nhưng đã rời khỏi địa phương từ tháng 8/2018 cho đến nay mà không cung cấp địa chỉ mới.

Tính đến ngày 08/11/2019 khách hàng Nguyễn Công T còn nợ tiền gốc là: 45.388.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 16.500.000 đồng; nợ lãi quá hạn 22.376.100 đồng. Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Công T có nghĩa vụ thanh toán tổng số nợ còn thiếu; đồng thời tiếp tục tính lãi trên số tiền dư nợ gốc theo nội dung hợp đồng đã ký kết kể từ sau khi xét xử sơ thẩm cho đến khi anh T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Công T không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và không đến Tòa án để giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án thực hiện việc cấp, phát, tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ. Vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục quy định.

Tại phiên tòa hôm nay Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh N tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng tình tự thủ tục theo pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 116, Điều 117 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; *Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ – CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.* Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn buộc anh Nguyễn Công T thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng SACOMBANK.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Q nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” quy định tại Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh N; Bị đơn anh Nguyễn Công T có nơi cư trú tại xóm 2, xã Q, huyện Q, tỉnh N nhưng dù được triệu tập hợp lệ và niêm yết thông báo đến phiên họp, phiên hòa giải và tham gia phiên tòa theo quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh T vẫn không có mặt, được coi là bị đơn từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Nội dung vụ án: Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc là: 45.388.000 đồng, nợ lãi trong hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm: 16.500.000 đồng; nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm: 22.376.100 đồng, đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi trên số tiền dư nợ gốc theo nội dung hợp đồng đã ký kết kể từ sau khi xét xử sơ thẩm cho đến khi anh T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Hợp đồng tín dụng số: LD101500197 ngày 15/01/2016 và Phụ lục 01 kèm theo hợp đồng được ký kết giữa Ngân hàng T và anh Nguyễn Công T là hợp pháp do hai bên ký kết hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với các quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 116, Điều 117 Bộ luật dân sự. Cho nên Hợp đồng có giá trị pháp lý và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Nguyễn Công T đã trả được một phần nợ. Đến ngày 25/4/2018 anh Nguyễn Công T đã bỏ việc và không tiếp tục trả nợ theo nội dung đã thỏa thuận. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm nợ gốc còn chưa thanh toán là: 45.388.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 16.500.000 đồng; nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm: 22.376.100 đồng. Mặc dù hợp đồng ký kết trong thời hạn 48 tháng, đến 15/01/2020 mới hết hạn nhưng theo thỏa thuận lại Phụ lục 01; bên vay vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng có quyền yêu cầu tất toán hợp đồng cả gốc và lãi phân kỳ trước hạn. Tại khoản 1 Điều 95 của luật các tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp sai thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng*” Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và buộc anh Nguyễn Công T trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

Xét yêu cầu của nguyên đơn đề nghị tiếp tục tính lãi trên số tiền dư nợ gốc theo nội dung hợp đồng đã ký kết kể từ sau khi xét xử sơ thẩm cho đến khi anh T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại *Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được Hội đồng Thẩm phán Tòa án*

nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ – CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Nên cần được chấp nhận

[3] Về án phí: Buộc bị đơn anh Nguyễn Công T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 116; 117 của Bộ luật dân sự; Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; *Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ – CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

Xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T.

[2] Về thi hành nghĩa vụ trả nợ: Buộc bị đơn anh Nguyễn Công T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T theo Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số: LD101500197 ngày 15/01/2016 và Phụ lục 01 ; Với số nợ gốc là: 45.388.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu ba trăm tám mươi tám nghìn đồng), nợ lãi trong hạn 16.500.000 đồng (Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng); nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm: 22.376.100 đồng (Hai mươi hai triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm đồng). Tổng cộng số tiền phải trả là : 84.264.100 đồng (Tám mươi bốn triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn một trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm anh Nguyễn Công T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trong hạn, quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán, theo lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số: LD101500197 ngày 15/01/2016 và Phụ lục 01 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất anh Nguyễn Công T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng T theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với mức lãi suất của Ngân hàng T.

[3] Về án phí: Buộc anh Nguyễn Công T phải chịu 4.213.200 đồng (Bốn triệu hai trăm mười ba nghìn hai trăm đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0004123 ngày 29/5/2019, do Chi cục thi hành án dân sự huyện Q chi trả.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn anh Nguyễn Công T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Q.
- Chi cục THA DS huyện Q
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu VPTA

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Công Phong

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ PHONG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 16 giờ 40 phút, ngày 08 tháng 11 năm 2019.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Phong

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Minh Huế

2. Ông Mong Thái Dương

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 08/2019/TLST-HDTM ngày 29 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T.

Người đại diện theo pháp luật : Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ : Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng : Bà Phan Thị Lam T, chức vụ : Trưởng phòng giao dịch T, chi Nhánh N.

Địa chỉ : Số 91 đường N, khối K, phường H, thị xã T, tỉnh N.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Công T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Xóm 2, xã Q, huyện Q, tỉnh N.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về loại việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

Kết quả biểu quyết: Nhất trí 3/3

2. Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào các điều 116; 117 của Bộ luật dân sự; Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; *Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ – CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.* Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: Nhất trí 3/3

3. Cách giải quyết các vấn đề yêu cầu:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T.

[2] **Về thi hành nghĩa vụ trả nợ:** Buộc bị đơn anh Nguyễn Công T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T theo Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số: LD101500197 ngày 15/01/2016 và Phụ lục 01 ; Với số nợ gốc là: 45.388.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu ba trăm tám mươi tám nghìn đồng), nợ lãi trong hạn 16.500.000 đồng (Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng); nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm: 22.376.100 đồng (Hai mươi hai triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn một trăm đồng). Tổng cộng số tiền phải trả là : 84.264.100 đồng (Tám mươi bốn triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn một trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm anh Nguyễn Công T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trong hạn, quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán, theo lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều số: LD101500197 ngày 15/01/2016 và Phụ lục 01 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất anh Nguyễn Công T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng T theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với mức lãi suất của Ngân hàng T.

[3]Về án phí: Buộc anh Nguyễn Công T phải chịu 4.213.200 đồng (Bốn triệu hai trăm mười ba nghìn hai trăm đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0004123 ngày 29/5/2019, do Chi cục thi hành án dân sự huyện Q chi trả.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn anh Nguyễn Công T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: Nhất trí 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 16 giờ 50 phút, ngày 08 tháng 11 năm 2019

Biên bản nghị án đã đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Công Phong